

I. Giới Thiệu Nội Dung Học Thuyết Hình Thái Kinh Tế Xã Hội

Trong lịch sử con người, chúng ta đã trải qua rất nhiều hình thái xã hội khác nhau. Những hình thái xã hội này đã cho thấy sự vận động không ngừng, khách quan trong quá trình phát triển của loài người. C.Mác đã nghiên cứu và đưa ra học thuyết “hình thái kinh tế xã hội” nhằm giải thích khoa học về quá trình vận động đó. Theo ông, con người là chủ thể của xã hội, vì thế muốn nghiên cứu về xã hội thì phải gắn liền đến sự tồn tại của con người. Con người là chủ thể sống với nhiều nhu cầu khác nhau về vật chất lẫn tinh thần. Để đáp ứng những nhu cầu đó, họ phải lao động sản xuất. Từ suy nghĩ này, ông đã liên kết nghiên cứu xã hội với nền kinh tế của nó. Từ đây, ông định nghĩa bốn phạm trù cần nghiên cứu trong nền kinh tế: lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất, cơ sở hạ tầng, kiến trúc thượng tầng.

Lực lượng sản xuất là toàn bộ các lực lượng được con người sử dụng trong quá trình sản xuất ra của cải vật chất. Nó bao gồm người lao động với một thể lực, tri thức, kỹ năng lao động nhất định và tư liệu sản xuất, trước hết là công cụ lao động, tạo thành lực lượng sản xuất.

Quan hệ sản xuất là quan hệ giữa người với người trong quá trình sản xuất vật chất, quan hệ sản xuất gồm ba mặt: quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất, quan hệ trong tổ chức và quản lý sản xuất, quan hệ trong phân phối sản phẩm sản xuất ra.

Trong lực lượng sản xuất, người lao động có vai trò quyết định. Người lao động có thể tạo ra công cụ lao động để giúp đỡ quá trình sản xuất, ngược lại, công cụ lao động khi không có người lao động sử dụng thì sẽ không thể phát huy và thực hiện các chức năng vốn có của chúng, tuy nhiên, điều này không thể phủ nhận hoàn toàn vai trò của tư liệu sản xuất. Nếu không có các công cụ lao động hiện đại hỗ trợ thì người lao động không thể phát huy hết năng suất lao động của mình trong quá trình sản xuất. Hai yếu tố này có mối quan hệ qua lại với nhau: người lao động thúc đẩy đổi mới tư liệu sản xuất để nâng cao năng suất lao động và ngược lại tư liệu sản xuất nâng cao chất lượng cho đội ngũ người lao động. Chính hai yếu tố này làm cho hoạt động sản xuất càng ngày phát triển hơn.

Bên cạnh việc sản xuất để tạo nên của cải vật chất, phạm trù quan hệ sản xuất đã nêu lên mối quan hệ của con người trong sản xuất: hoạt động sản xuất là sự gắn kết

của một tập thể người, vì thế, quan hệ giữa con người nảy sinh trong sản xuất là điều tất yếu, nếu chúng ta không định hướng tốt cho quan hệ này thì sản xuất sẽ không có hiệu quả và có thể dẫn tới ngưng hoạt động.

Không chỉ dừng lại ở đó, lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất lại có tác động ảnh hưởng qua lại, lực lượng sản xuất là tác nhân khởi đầu. Theo thời gian, nhu cầu, kinh nghiệm và tri thức của con người ngày càng phát triển, điển hình là cuộc cách mạng khoa học công nghệ. Điều này đã làm cho lực lượng sản xuất từng bước được nâng cao như một quy luật hiển nhiên. Nếu quan hệ sản xuất không được cải tiến để phù hợp thì nó sẽ kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất và dẫn tới hoạt động sản xuất không còn hiệu quả. Chính nguyên nhân khách quan này, đòi hỏi cần sự thay thế quan hệ sản xuất cũ bằng quan hệ sản xuất mới hơn, phù hợp hơn. Khi quan hệ sản xuất mới phù hợp với lực lượng sản xuất thì sản xuất sẽ đạt hiệu quả và đời sống của con người sẽ được cải thiện. Nhưng con người chúng ta vốn dĩ thích học hỏi và có nhu cầu sống phát triển không ngừng nên đã tác động trở lại làm cho lực lượng sản xuất lại tiếp tục phát triển. Điều này cũng dễ dàng kiểm chứng trong nền kinh tế sản xuất hiện nay.

Cơ sở hạ tầng là toàn bộ những quan hệ sản xuất hợp thành cơ cấu kinh tế của một xã hội nhất định. Kiến trúc thượng tầng là toàn bộ những quan điểm chính trị, pháp quyền, triết học, đạo đức, tôn giáo, nghệ thuật... cùng với những thiết chế xã hội tương ứng như nhà nước, đảng phái, giáo hội, các đoàn thể xã hội... được hình thành trên cơ sở hạ tầng nhất định. Hai phạm trù này có tác động qua lại ảnh hưởng đến nhau. Cơ sở hạ tầng quyết định cho sự hình thành kiến trúc thượng tầng. Vì nguồn gốc hình thành của kiến trúc thượng tầng là dựa vào cơ sở hạ tầng. Điều này thể hiện rất rõ trong xã hội có giai cấp, giai cấp nào thống trị nền kinh tế sẽ giữ địa vị thống trị trong xã hội. Và chúng ta thấy rõ vai trò của lợi ích trong lĩnh vực kinh tế ảnh hưởng rất sâu sắc đến quyết định trong lĩnh vực chính trị. Càng làm sáng tỏ hơn cho mối quan hệ giữa chính trị và kinh tế đó chính là các cuộc chiến tranh lịch sử của nhân loại. Chính vì lợi ích về mặt kinh tế mà các nước đã nảy sinh mâu thuẫn về lợi ích và chiến tranh là tất yếu sẽ xảy ra.

Trong kiến trúc thượng tầng có nhiều yếu tố khác nhau, mỗi yếu tố này có đặc điểm và quy luật phát triển riêng. Song, chúng vẫn có mối quan hệ với nhau, tác động

qua lại lẫn nhau dựa trên nền tảng xây dựng, củng cố, phát triển và bảo vệ cơ sở hạ tầng đã sinh ra nó. Trong đó, yếu tố nhà nước và chính trị có quan hệ trực tiếp đến cơ sở hạ tầng, còn các yếu tố khác như triết học, đạo đức, tôn giáo lại có quan hệ gián tiếp.

Hình thái kinh tế xã hội được cấu thành từ hai phạm trù: cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng. Phạm trù cơ sở hạ tầng đại diện cho lĩnh vực kinh tế, cho quá trình hoạt động sản xuất để tồn tại của con người, thể hiện mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên. Còn phạm trù kiến trúc thượng tầng là hiện thân của các ứng xử xã hội, thể hiện mối quan hệ giữa con người với con người trong xã hội. Xã hội loài người để tồn tại và phát triển cần hội đủ hai nhân tố này. Vì xã hội là một tập thể hay một nhóm những người được phân biệt với các nhóm người khác bằng các lợi ích, mối quan hệ đặc trưng, chia sẻ cùng một thể chế và có cùng văn hóa. Cơ sở hạ tầng luôn vận động theo quy luật khách quan trong nền kinh tế. Nó không phụ thuộc vào ý chí con người. Vì nó là hiện thân của quan hệ sản xuất được hình thành dựa trên lực lượng sản xuất. Còn kiến trúc thượng tầng phụ thuộc vào ý chí chủ quan của con người. Chính ý chí chủ quan này đã làm đa dạng thêm các hình thái xã hội trong cùng giai đoạn lịch sử. Dựa vào các yếu tố về địa hình, truyền thống, văn hóa, tập tục, con người... mà mỗi quốc gia có thể chọn cho mình hướng đi phù hợp với quy luật phát triển khách quan của xã hội.

Trước Mác, chủ nghĩa duy tâm giữ vai trò chính trong việc giải thích về sự hình thành đời sống xã hội. Với sự ra đời của học thuyết hình thái kinh tế xã hội đã hình thành lý luận khoa học cho việc giải thích sự tồn tại và phát triển của xã hội.

Vai trò phương pháp luận của lý luận hình thái kinh tế xã hội được thể hiện ở những điểm chính sau:

- Thứ nhất, cơ sở của đời sống xã hội là sản xuất vật chất và phương thức sản xuất có vai trò quyết định quá trình sinh hoạt xã hội, chính trị và tinh thần. Điều này cho thấy vai trò của quá trình sản xuất trong xã hội. Vì thế trước khi tìm hiểu các hình thái xã hội, chúng ta cần tìm hiểu nó gắn liền với các hình thái kinh tế. Bản chất của sự vận động của các hình thái xã hội xét cho cùng là sự vận động của phương thức sản xuất nhằm nâng cao năng suất lao động cho sản xuất.

- Thứ hai, sự kết hợp ngẫu nhiên giữa lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất, quan hệ xã hội. Vì thế phân tích quan hệ sản xuất không thể tách rời với lực lượng sản xuất; phân tích quan hệ xã hội không thể tách rời với quan hệ sản xuất. Trong đó, lực lượng sản xuất có vai trò quyết định và vận động theo quy luật khách quan vốn có của nó.
- Thứ ba, sự phát triển của các hình thái kinh tế xã hội diễn ra theo quy luật khách quan chứ không theo ý muốn chủ quan. Vì vậy khi nghiên cứu về sự vận động phát triển của xã hội, chúng ta phải đi sâu tìm hiểu các quy luật vận động khách quan của xã hội nói chung và từng xã hội cụ thể nói riêng. Việc cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới đòi hỏi phải dựa trên quy luật khách quan.
- Thứ tư, giải thích được sự đa dạng trong các hình thái kinh tế xã hội. Mỗi dân tộc do điều kiện lịch sử khác nhau nên họ có con đường phát triển riêng đặc thù. Cho nên khi nghiên cứu, vận dụng quy luật phát triển khách quan của xã hội chúng ta cần nghiên cứu trong điều kiện cụ thể của mỗi dân tộc.

II. Sự Vận Dụng Học Thuyết Này Đối Với Sự Nghiệp Đổi Mới Hiện Nay Ở Việt Nam

Đảng và nhà nước Việt Nam đã xác định cho định hướng xã hội Việt Nam phát triển: đó chính là hình thái xã hội chủ nghĩa. Định hướng này gắn liền trong lịch sử giải phóng dân tộc của nước ta. Đây là xã hội công bằng, độc lập, tự do, văn minh. Trong xã hội này, mọi người đều bình đẳng với nhau, cùng nhau hướng tới giá trị nhân bản cao nhất, không giai cấp, không có áp bức bóc lột. Hình thái xã hội này là hình thái xã hội lý tưởng mà theo quy luật khách quan sẽ đạt tới.

Nhưng trong giai đoạn này, chúng ta cần phải tuân theo quy luật khách quan của hình thái xã hội. Để đạt được hình thái xã hội chủ nghĩa hay xã hội cộng sản thì chúng ta cần có phương thức sản xuất tiên tiến. Lúc đó, quan hệ sản xuất sở hữu là của chung xã hội và quan hệ chủ tớ không còn nữa. Nhưng điều cần quan tâm ở đây chính là theo quy luật, để có được phương thức sản xuất tiên tiến đó thì chúng ta phải nhờ đến những thành tựu của hình thái xã hội tư bản. Đặc biệt chính là thành tựu về khoa học mà xã hội tư bản mang lại. Những thành tựu này làm cho kinh nghiệm, tri thức và nhận thức của con người được nâng cao. Nó sẽ làm tiền đề cho sự phát triển cải tiến. Nhưng xã hội tư bản lại có rất nhiều tiêu cực về nhân bản và về quyền con người. Nếu Việt Nam lại đi theo con đường tư bản thì nó lại đi trái với mục tiêu giải phóng dân tộc của nước ta. Trong điều kiện như thế, V.I.Lênin đã phát triển sáng tạo lý luận về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Ông đã chỉ ra hai con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Con đường thứ nhất: là quá độ trực tiếp lên chủ nghĩa xã hội. Đây là con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội đối với các nước tư bản phát triển. Con đường thứ hai: là quá độ lên chủ nghĩa xã hội thông qua nhiều khâu trung gian, nhiều bước quá độ. Đây là con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội đối với các nước lạc hậu, kinh tế kém phát triển. Việt Nam đã chọn con đường thứ hai để đi lên chủ nghĩa xã hội vì nó thích hợp với tình hình nước ta và rút ngắn thời gian phát triển của nước ta theo lịch sử. Từ tư tưởng quá độ này, Đảng và nhà nước đã từng bước đổi mới về mọi mặt để có thể tranh thủ thành tựu của chủ nghĩa tư bản để phát triển phương thức sản xuất nhưng vẫn giữ được nguyên bản sắc dân tộc và định hướng xã hội chủ nghĩa. Việt

Nam sẽ cố hòa nhập với chủ nghĩa tư bản nhưng sẽ không hòa tan vào bản chất tiêu cực của nó.

Để thay đổi về chất của phương thức sản xuất, Đảng và nhà nước đã xác định cần phải thực hiện công nghiệp hóa và hiện đại hóa là điều cần thiết. Công nghiệp hóa phải gắn liền với hiện đại hóa để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội và không bị tụt hậu so với các nước tư bản phát triển. Hiện nay, Đảng và nhà nước đã có những hành động cụ thể cho việc này như: khuyến khích học tập cho các bạn trẻ bằng việc lập ra các quỹ tài năng trẻ nhằm tạo điều kiện để các bạn trẻ học tập, nghiên cứu và sáng tạo; giao lưu văn hóa, khoa học, công nghệ với các nước tiên tiến bằng việc tham gia, tổ chức nhiều chương trình thi đấu toàn cầu; tổ chức các chương trình hợp tác lao động với các nước phát triển nhằm nâng cao tay nghề cho người lao động; tranh thủ chuyển giao công nghệ của các nước phát triển; gia nhập các tổ chức quốc tế như ASEAN, WTO,... nhằm mở rộng thị trường kinh tế để cùng nhau phát triển; khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào Việt Nam bằng việc giảm thuế kinh doanh, hỗ trợ vốn đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng, cải thiện luật kinh doanh vừa bảo vệ quyền lợi cho người lao động và các nhà kinh doanh. Mục tiêu của những hành động này nhằm phấn đấu đến năm 2010, Việt Nam, về cơ bản trở thành một nước công nghiệp. Sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa nhằm phát triển phương thức sản xuất cụ thể hơn là lực lượng sản xuất. Sự phát triển của lực lượng sản xuất phải gắn liền với việc xác lập quan hệ sản xuất phù hợp trong cả ba mặt sở hữu, quản lý và phân phối. Đảng và nhà nước đã chủ trương phát triển nhiều hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất, và xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Kinh tế thị trường là nền kinh tế phát triển theo quy luật khách quan của thị trường kinh tế vốn có. Việc cung và cầu của hàng hóa sản xuất cũng như giá cả hàng hóa là do thị trường quyết định, quan điểm này được mở rộng hơn trong thời đại hiện nay, quy luật này tuy nó vận động một cách khách quan nhưng nó cũng chịu ảnh hưởng của ý thức con người tác động trở lại nhằm ổn định, cân bằng và phát triển đi lên. Cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa xuất phát từ quan điểm này. Cơ chế này có sự tham gia điều tiết của nhà nước để định hướng cho nền kinh tế hướng tới xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa. Trong hoạt động kinh tế đã cho thấy

vai trò định hướng của nhà nước là rất quan trọng. Khi trong nền kinh tế xuất hiện tư tưởng độc quyền, tư bản, nhà nước sẽ can thiệp vào nhằm định hướng cho nền kinh tế. Doanh nghiệp nhà nước đầu tư phát triển những ngành nghề chủ đạo và nhạy cảm trong nền kinh tế. Nhà nước ban hành nhiều chính sách tài chính sách tiền tệ khuyến khích đầu tư mở rộng, xuất nhập khẩu để mở rộng quan hệ phân phối, cải tổ bộ máy hành chính và đào tạo cán bộ quản lý, tổ chức hiệu quả trong các doanh nghiệp nhà nước.

Việt Nam đã và đang xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với xu hướng phát triển của thế giới, với yêu cầu phát triển lực lượng sản xuất trong hoàn cảnh của nước ta. Nó là tiền đề để xây dựng mục tiêu nền kinh tế độc lập, tự chủ kết hợp với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Đảng và nhà nước ta khẳng định: “Mục đích của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là phát triển lực lượng sản xuất, phát triển kinh tế để xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, nâng cao đời sống nhân dân”.

Vì chính trị có quan hệ trực tiếp đến kinh tế mà đã được lý luận hình thái kinh tế xã hội chỉ ra, nên bên cạnh việc phát triển về kinh tế, Đảng và nhà nước cũng không ngừng quan tâm đến hoạt động chính trị. Thường xuyên tổ chức giáo dục tư tưởng, cập nhật thông tin chính trị cho cán bộ Đảng viên, cho các thế hệ trẻ để mọi người thấm nhuần tư tưởng của Đảng. Nâng cao vai trò của Đảng trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ, và phát triển hệ thống chính trị thông qua các luật định của nhà nước. Tổ chức thường xuyên giáo dục quốc phòng để nâng cao sức chiến đấu cho cán bộ quân đội. Chú trọng vai trò của tổ chức quần chúng, đoàn thể trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đẩy mạnh việc chống lại các tệ nạn thoái chất trong nội bộ Đảng viên để tăng uy tín của Đảng trước nhân dân. Thu thập tâm tư, nguyện vọng của nhân dân vì mục tiêu xây dựng nhà nước Việt Nam là của dân do dân và vì dân. Đồng thời cũng phải phát triển văn hóa, xây dựng nền văn hóa tiên tiến hòa nhập nhưng không hòa tan nhằm nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân. Nền văn hóa này cần phải giữ nguyên bản sắc vốn có của nó. Tránh tình trạng chạy theo thời đại mà gạt bỏ giá trị tốt đẹp trong truyền thống của dân tộc. Nhà nước đã có chủ trương chính sách nhằm khôi phục lại giá trị văn hóa của dân tộc. Tổ chức những cuộc thi tìm hiểu bản sắc của dân tộc Việt Nam. Giao lưu văn hóa và chăm lo đời sống cho các dân tộc anh em

thiếu số. Đầu tư xây dựng sự nghiệp giáo dục để đào tạo nhân lực và bồi bổ nhân tài cho đất nước. Đó là ưu tiên hàng đầu trong sự nghiệp phát triển đất nước. Thực hiện các chính sách công bằng, dân chủ trong cuộc sống của nhân dân.

Tóm lại, học thuyết về hình thái kinh tế xã hội đã mở ra một chân trời mới cho việc lý luận khoa học về sự vận động của các hình thái xã hội khác nhau. Nó đưa ra mối quan hệ giữa hoạt động kinh tế và đời sống xã hội. Hoạt động kinh tế chính là nguồn gốc cho quyết định hình thành đời sống xã hội. Quy luật vận động của hoạt động kinh tế có tính khách quan không phụ thuộc vào ý chí chủ quan của con người. Nó tùy thuộc vào sự vận động phát triển của phương thức sản xuất. Trong đó, lực lượng sản xuất giữ vai trò chi phối chính cho quá trình phát triển phương thức sản xuất. Khi lực lượng sản xuất phát triển, nó sẽ chi phối quan hệ sản xuất phát triển. Quan hệ sản xuất lại quyết định quan hệ xã hội để hình thành hình thái xã hội. Đó chính là mối quan hệ giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng. Vì vậy, lực lượng sản xuất đóng vai trò quan trọng trong quá trình chuyển đổi từ hình thái xã hội cũ lên hình thái xã hội mới. Quá trình hình thành kiến trúc thượng tầng mang tính chất chủ quan của con người nhưng phải dựa trên quy luật phát triển khách quan của cơ sở hạ tầng. Điều này là điểm cần lưu ý khi nghiên cứu lý thuyết và vận dụng vào thực tế. Lý luận đó đã được Đảng và nhà nước ta vận dụng sáng tạo trong điều kiện cụ thể của nước ta, vạch ra đường lối đúng đắn cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.